

**GIỐNG XÉN TÓC THƯỜNG *Chlorophorus* Chevrolat, 1863
(CERAMBYCINAE, CERAMBYCIDAE) VÀ 6 LOÀI GHI NHẬN MỚI
Ở VIỆT NAM**

CAO THỊ QUỲNH NGA, KHUẤT ĐĂNG LONG, TẠ HUY THỊNH
*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Giống Xén tóc thường *Chlorophorus* thuộc tộc Clytini, họ Xén tóc Cerambycidae, bộ Cánh cứng Coleoptera với trên 200 loài đã được ghi nhận trên toàn thế giới. Các loài thuộc giống này có cơ thể thon dài, kích thước nhỏ, thường dao động trong khoảng 6-15 mm và phân bố rộng, chủ yếu ở vùng Cổ Bắc, Châu Phi và Đông Phương [2].

Ở Việt Nam, các loài thuộc giống Xén tóc thường đã được đề cập đến trong một số công trình như: Kết quả điều tra côn trùng (1967-1968) của Viện Bảo vệ thực vật (1976) ghi nhận 3 loài [5]; Kết quả điều tra cơ bản côn trùng miền Bắc Việt Nam (1960-1970) của Mai Quý và nnk (1981) ghi nhận 1 loài [4]. Kết quả điều tra côn trùng dọc tuyến đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 2008-2009 và giai đoạn 2011-2012) ghi nhận 7 loài [6, 7]. Cao Thị Quỳnh Nga và nnk (2014) đã thống kê được 14 loài [1]. Như vậy tính đến thời điểm hiện tại, giống *Chlorophorus* ở Việt Nam đã ghi nhận được 16 loài.

Dựa vào bộ mẫu đã được thu thập nhiều năm, hiện lưu giữ tại phòng Hệ thống học côn trùng, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, chúng tôi ghi nhận bổ sung một số loài thuộc giống Xén tóc thường đồng thời đưa ra danh sách đầy đủ các loài *Chlorophorus* ghi nhận được ở Việt Nam.

I. NGUYÊN LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật mẫu được thu thập ở các tỉnh thành trong cả nước, hiện đang được lưu giữ và bảo quản tại Phòng Hệ thống học Côn trùng, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật. Hệ thống phân loại được sử dụng dựa trên quan điểm của Gressitt và Rondon (1970) [3]. Danh sách các loài Xén tóc thường ở Việt Nam được xây dựng bao gồm: tên sử dụng, tên gốc, vật mẫu nghiên cứu, phân bố trong nước và phân bố thế giới. Một số loài mới cho khoa học đã được mô tả từ mẫu vật Việt Nam mà chúng tôi chưa thu được mẫu sẽ được ghi nhận theo tài liệu công bố loài mới của các tác giả. Các loài ghi nhận mới cho khu hệ Việt Nam thì sử dụng dấu (*). Một số từ viết tắt trong bài báo: VQG = Vườn Quốc gia; KBTN = Khu Bảo tồn thiên nhiên; NTM = Người thu mẫu.

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Họ Cerambycidae Latreille, 1802

Phân họ Cerambycinae Latreille, 1802

Tộc Clytini Mulsant, 1839

Giống *Chlorophorus* Chevrolat, 1863

Chlorophorus Chevrolat, 1863: 290.

Caloclytus Fairmaire, 1864: Gahan, 1906: 260.

Clytanthus Thomson, 1864: 190; Pascoe, 1869: 599.

Loài chuẩn: *Callidium annulare* Fabricius, 1787

Đặc điểm chân loại:

Các loài thuộc giống này nhìn chung có kích thước nhỏ, dao động trong khoảng 6-15 mm. Râu đầu ngắn hơn chiều dài cơ thể, không vượt quá nửa cánh cứng hoặc ngọn cánh cứng, khoảng cách giữa 2 đốt gốc râu đầu khá gần nhau. Đốt lưng ngực trước có các cạnh bên tròn, nhiều chấm dày. Đốt chuyển chân trước tròn ở phía ngoài và hốc chậu của nó mở ở phía sau. Hốc chậu chân giữa mở đến mảnh bên sau của đốt ngực giữa. Cánh cứng thuôn dài, cụt ở phần ngọn, nhiều chấm dày ở mỗi góc. Chân tương đối dài, đốt đùi chân sau phình to dần hướng về phần ngọn; đốt đùi giữa có khía dọc theo chiều dài của nó.

Danh sách dưới đây liệt kê 22 loài thuộc giống *Chlorophorus*, trong đó có 6 loài ghi nhận bổ sung cho khu hệ côn trùng Việt Nam.

1. *Chlorophorus annularis* (Fabricius, 1787)

Callidium annulare Fabricius, 1787: Gressitt & Rondon, 1970: 221

Vật mẫu nghiên cứu: Bắc Kạn: 1♀, VQG Ba Bể, 17.vi.2007, bẫy đèn; Cao Bằng: 1♀, KBTTN Phía Bắc, Thành Công, Nguyên Bình, 29.iv-6.v.2002, vợt; Đắk Lắk: 1♀, VQG Yok Đôn, 9.vi.2013, vợt; Đồng Nai: 1♀, KBTTN Vĩnh Cửu, Mã Đà, VC.Co.2633, 9.iv.2009, vợt; Gia Lai: 1♀, Buôn Lưới, 10.vi.1983, vợt; Hà Tĩnh: 2♀; Hương Trạch, Hương Khê, Co.1.0492, Co.1.0493, 22.v.2008, vợt; Hải Phòng: 1♀, VQG Cát Bà, 15.vii.2003, <150m, vợt; Hòa Bình: 1♀, KBTTN Hang Kia - Pà Cò, Mai Châu, 26.iv.2002, vợt; Lào Cai: 1♀, đèo Ô Quý Hồ, Sa Pa, 19.vi.2002, 2000m, bẫy đèn; Ninh Bình: 1♀, VQG Cúc Phương, 29.iv.2006, vợt; Phú Thọ: 2♀, Thanh Hà, Thanh Ba, 30.iii.1966, vợt; 4♀, VQG Xuân Sơn, 15.vi.2004, 300-500 m, vợt; Quảng Nam: 1♀, Chà Vål, Nam Giang, TD48-R.092, 28.v.2009, vợt; Quảng Trị: 1♀, Húc Nghi, Đa Krông, Ce.0248, 350-400m, 18.vii.2004; 1♀, A Ngo, Đa Krông, Ce.0561, 150-200, 31.v.2006; 1♀, KBTTN Đa Krông, 7-10.vii.2011, vợt; Thái Nguyên: 1♀, Đoàn Kết, vii.1972, vợt; 1♀, Cát Nê, Đại Từ, 25-30.x.2007, vợt; Thanh Hóa: 1♀, Thành Sơn, Bá Thước, 15-16.vii.2003, vợt; 1♀, Lũng Cao, Bá Thước, 600 m, 12-14.vii.2003; 1♀, Lũng Cao, Bá Thước, 500 m, 11-13.iv.2002; Thừa Thiên-Huế: 1♀, A Roàng, A Lưới, Ce.0559, 800-900, 29.v.2006; 1♀, Hồng Trung, A Lưới, Ce.0560, 600 m, 31.v.2006; 1♀, VQG Bạch Mã, 16-18.v.2002, vợt; Vĩnh Phúc: 3♀, VQG Tam Đảo, 900m, 12-17.vi.1999, vợt.

Phân bố đã biết: Việt Nam (Bắc Kạn, Cao Bằng, Đắk Lắk, Đồng Nai, Hà Tĩnh, Hải Phòng, Hòa Bình, Lào Cai, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Nam, Quảng Trị, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Thừa Thiên-Huế, Vĩnh Phúc); Ấn Độ; Brasil; Campuchia; Hàn Quốc; Indônêxia; Lào; Malaixia; Mianma; New Guinea; Nepal; Nhật Bản; Philippin; Srilanka; Sumatra; Thái Lan; Trung Quốc.

2. *Chlorophorus arciferus* (Chevrolat, 1863)

Amauraesthes arciferus Chevrolat, 1863: 330

Vật mẫu nghiên cứu: Hòa Bình: 6♀, Thượng Tiến, Kim Bôi, 25.v.2012, bẫy màn, NTM Khuất Đăng Long; Kon Tum: 1♀, Măng Cành, Kon Plông, v-vi.2006, bẫy màn, NTM Nguyễn Quảng Trường; Lai Châu: 1♀, Phìn Hồ, Sin Hồ, >1950 m, 9.iv.2007; Lào Cai: 1♀, Sa Pa, >1500 m, 19.v.2003, vợt; Ninh Bình: 1♀, VQG Cúc Phương, 14.iii.2005; 1♂, VQG Cúc Phương, 27.v.2012, vợt; Vĩnh Phúc: 1♀, 1♂, VQG Tam Đảo, 12-17.vi.1999, vợt; 1♂, 8-9.v.2012; 2♀, 5.vi.2002, vợt; 5♀, 2♂, 1-10.vi.2012, bẫy màn, NTM Khuất Đăng Long; 1♀, 16-24.vi.2012, vợt; 4♀, 3♂, 30-viii-3.ix.2012, vợt; 7♀, x.2012, vợt; 1♀, 2.v.2013, vợt; 3♀, 5.v.2013, vợt; 1♀, 1.vi.2013, vợt; 5♀, 4♂, Ngọc Thanh, Mê Linh, 9-10.vi.2012, vợt.

Phân bố đã biết: Việt Nam (Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Hòa Bình, Lai Châu, Lào Cai, Ninh Bình, Vĩnh Phúc); Ấn Độ; Lào; Trung Quốc.

3. *Chlorophorus brevenotatus* Pic, 1922
Chlorophorus brevenotatus Pic, 1922: Gressitt & Rondon, 1970: 228
Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu
Phân bố đã biết: Bắc Việt Nam; Lào.
4. *Chlorophorus coniperda* Holzschuh, 1992
Chlorophorus coniperda Holzschuh, 1992: 27
Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu
Phân bố đã biết: Nam Việt Nam (Lâm Đồng: Đà Lạt).
5. *Chlorophorus grandipes* Pic, 1943
Chlorophorus grandipes Pic, 1943: 22
Vật mẫu nghiên cứu: Đắk Lắk: 1 ♀, VQG Yok Đôn, 9.vi.2013, vọt, NTM Hoàng Vũ Trụ.
Phân bố đã biết: Nam Việt Nam (Đắk Lắk); Lào.
6. *Chlorophorus inhumeralis* Pic, 1928*
Chlorophorus inhumeralis Pic, 1918: Gressitt & Rondon, 1970: 228
Vật mẫu nghiên cứu: Hải Phòng: 1 ♀, VQG Cát Bà, <150 m, 16.vii.2003, vọt, NTM Hoàng Vũ Trụ.
Phân bố đã biết: Việt Nam (Hải Phòng); Lào; Trung Quốc.
7. *Chlorophorus japonicus* (Chevrolat, 1863)
Anthoboscus japonicus Chevrolat, 1863: Hua Li-zhong, 2002: 201
Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu
Phân bố đã biết: Việt Nam; Hàn Quốc; Nhật Bản; Trung Quốc.
8. *Chlorophorus jendeki* Holzschuh, 1992
Chlorophorus jendeki Holzschuh, 1992: 22
Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu
Phân bố đã biết: Bắc Việt Nam (Vĩnh Phúc).
9. *Chlorophorus micheli* Pic, 1943
Chlorophorus micheli Pic, 1943: Hua Li-zhong, 2002 : 201
Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu
Phân bố đã biết: Việt Nam; Trung Quốc.
10. *Chlorophorus macaumensis* (Chevrolat, 1845)*
Clytus macaumensis Chevrolat, 1845: Hua, 2009: 296
Vật mẫu nghiên cứu: Hà Tĩnh: 5 ♀, Sơn Thọ, Vụ Quang, Co.1.0705-Co.1.0709, 21.v.2008, vọt, NTM Hoàng Vũ Trụ.
Phân bố đã biết: Việt Nam (Hà Tĩnh); Trung Quốc.

11. *Chlorophorus miwai* Gressitt, 1936*

Chlorophorus miwai Gressitt, 1936: Hua Li-zhong, 1936: 296

Vật mẫu nghiên cứu: Vĩnh Phúc: 1♀, VQG Tam Đảo, 900 m, 20.vii.1999, vọt.

Phân bố đã biết: Việt Nam (Vĩnh Phúc); Trung Quốc; vùng lãnh thổ Đài Loan.

12. *Chlorophorus moupinensis* (Fairmaire, 1888)*

Clytus moupinensis Fairmaire, 1888: Hua Li-zhong, 2009: 296-297

Vật mẫu nghiên cứu: Cao Bằng: 1♀, KBTTN Phia Oắc, Thành Công, Nguyên Bình, 25.v-7.vi.2011, Vọt; Vĩnh Phúc: 2♀, VQG Tam Đảo, 500, v-vi.2002, vọt.

Phân bố đã biết: Việt Nam (Cao Bằng, Vĩnh Phúc); Trung Quốc.

13. *Chlorophorus pinguis* Holzschuh, 1992

Chlorophorus pinguis Holzschuh, 1992: 21

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu

Phân bố đã biết: Bắc Việt Nam (Lào Cai: Hoàng Liên Sơn, Sa Pa).

14. *Chlorophorus punctiger tamdaoensis* Holzschuh, 1992

Chlorophorus punctiger tamdaoensis Holzschuh, 1992: 22

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu

Phân bố đã biết: Bắc Việt Nam (Vĩnh Phúc).

15. *Chlorophorus quatuordecimmaculatus* (Chevrolat, 1863)

Anthoboscus 14-maculatus Chevrolat, 1863: 295

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu

Phân bố đã biết: Bắc Việt Nam; Ấn Độ; Lào; Trung Quốc.

16. *Chlorophorus reductus* Pic, 1922

Chlorophorus reductus Pic, 1922: 13

Vật mẫu nghiên cứu: Bắc Giang: 2♀, Lục Sơn, Lục Giang, 27.ix.2002, vọt; Bắc Kạn: 1♀, VQG Ba Bể, 17.vi.2007, bẫy đèn; Cao Bằng: 2♀, Bản Hâu, Cao Thăng, Trùng Khánh, 21-29.iv.2012, bẫy màn, NTM Nguyễn Quảng Trường; Đắk Nông: 1♀, Nậm Njang, Đắk Song, 25.iv.2011, vọt; Kon Tum: 1♀, Măng Cảnh, Kon Plông, v-vi.2006, bẫy màn, NTM Nguyễn Quảng Trường; Thanh Hóa: 1♀, VQG Xuân Liên, Bát Mọt, Thường Xuân, 23.iv.2013, vọt; 2♀, Xuân Hòa, Như Xuân, Co.1.2367, Co.1.5053, 30.v.2008, 23.iv.2009, vọt; Vĩnh Phúc: 1♀, VQG Tam Đảo, 1.vi.2003, vọt.

Phân bố đã biết: Việt Nam (Bắc Giang, Bắc Kạn, Cao Bằng, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Kon Tum, Thanh Hóa, Vĩnh Phúc); Lào, Trung Quốc.

17. *Chlorophorus rubricollis* (Castelnau & Gory, 1841)*

Clytus rubricollis Castelnau & Gory, 1841: Gressitt & Rondon, 1970: 232

Vật mẫu nghiên cứu: Hòa Bình: 1♀, Hang Kia - Pà Cò, Mai Châu, >900 m, 25.iv.2002; 1♀, Chiềng Yên, Mai Châu, 26.vi.2001; Kiên Giang: 1♀, Chùa Hang, Hòn Chông, rừng trên núi đá

vôi, 21.vi.2005; Ninh Thuận: 1♀, VQG Phước Bình, Phước Bình, Bác Ái, 300-400 m, 13.xi.2008, vọt; Tây Ninh: 2♀, Lò Gò - Xa Mát, <150m, 3-7.xi.2003.

Phân bố đã biết: Việt Nam (Hòa Bình, Kiên Giang, Ninh Thuận, Tây Ninh); Ấn Độ; Indônêxia; Lào; Malayxia; Mianma; Thái Lan; Trung Quốc.

18. *Chlorophorus sappho* Gressitt & Rondon, 1970

Chlorophorus sappho Gressitt & Rondon, 1970: 221

Vật mẫu nghiên cứu: Đồng Nai: 1♀, Suối Ràng, Phú Lý, Vĩnh Cửu, VC.Co.2630, 3.iv.2009, vọt; Quảng Bình: 1♀, U Bò, Trường Sơn, Quảng Ninh, Ce.0850, 500-600 m, 11.v.2007, vọt.

Phân bố đã biết: Việt Nam (Đồng Nai, Quảng Bình); Lào.

19. *Chlorophorus signaticollis* (Castelnau & Gory, 1855)

Clytus signaticollis Castelnau & Gory, 1855: Hua Li-zhong, 2009: 297

Vật mẫu nghiên cứu: Hà Tĩnh: 2♂, TT Vụ Quang, Vụ Quang, Co.1.5110-5112, 21.iv.2009, vọt; 2♀, Hương Trạch, Hương Khê, Co.1.5093, 20.iv.2009, vọt.

Phân bố đã biết: Việt Nam (Hà Tĩnh); Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Quốc.

20. *Chlorophorus tredecimmaculatus* (Chevrolat, 1863)*

Anthoboscus tredecimmaculatus Chevrolat, 1863: Hua Li-zhong, 2009: 298

Vật mẫu nghiên cứu: Cao Bằng: 5♀, 1♂, KBTTN Phia Oắc, Thành Công, Nguyên Bình, >1500m, 25.v-7.vi.2011, 29.iv-6.v.2012, vọt, NTM Phạm Hồng Thái; Vĩnh Phúc: 3♀, VQG Tam Đảo, 500 m, v-vi.2002.

Phân bố đã biết: Việt Nam (Cao Bằng, Vĩnh Phúc); Trung Quốc.

21. *Chlorophorus viticis* Gressitt & Rondon, 1970

Chlorophorus viticis Gressitt et Rondon, 1970: 225

Vật mẫu nghiên cứu: Gia Lai: 1♀, VQG Kon Ka Kinh, Đăk Jơ Ta, Mang Yang, 8.vi.2011, vọt.

Phân bố đã biết: Việt Nam (Gia Lai); Lào, Nam Trung Quốc.

22. *Chlorophorus vulpinus* Holzschuh, 1992

Chlorophorus vulpinus Holzschuh, 1992: 21

Vật mẫu nghiên cứu: Chưa thu được mẫu

Phân bố đã biết: Bắc Việt Nam (Lào Cai: Hoàng Liên Sơn, Sa Pa).

III. KẾT LUẬN

Trên cơ sở phân tích 128 mẫu vật, chúng tôi đã xác định được 22 loài Xén tóc thường, trong đó có 6 loài ghi nhận mới bổ sung cho khu hệ côn trùng ở Việt Nam, bao gồm các loài: *Chlorophorus inhumeralis* Pic, 1928; *C. macaumensis* (Chevrolat, 1845); *C. miwai* Gressitt, 1936; *C. moupinensis* (Fairmaire, 1888); *C. rubricollis* (Castelnau & Gory, 1841) và *C. tredecimmaculatus* (Chevrolat, 1863). Trong số 22 loài đó, chỉ có 1 loài phân bố rộng trên thế giới; 16 loài thuộc khu hệ vùng Đông Phương và có 5 loài đã được mô tả mới dựa vào mẫu vật ở Việt Nam. Xét theo phân bố trong nước, có 6 loài phân bố rộng trong nước; 10 loài chỉ bắt gặp ở miền Bắc, 6 loài chỉ bắt gặp ở miền Trung và miền Nam, 5 loài chỉ bắt gặp có mẫu tại một địa điểm cụ thể. Như vậy có thể nói Việt Nam có khả năng có nhiều loài Xén tóc đặc hữu.

Lời cảm ơn: Chúng tôi xin chân thành cảm ơn KS. Hoàng Vũ Trụ, TS. Nguyễn Quảng Trường (Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật) và TS. Phạm Hồng Thái (Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam) đã giúp đỡ trong việc thu thập mẫu vật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao, Q. N., D. L. Khuat, 2014. A preliminary list of the Cerambycinae (Coleoptera: Cerambycidae) of Vietnam. *Journal of Biology*, vol 36 (1): 11-37.
2. Delahaye, 2012. Catalogue of Cerambycinae. <http://www.prioinae.org/Data/Catalogue%20Cerambycinae.pdf>
3. Gressitt, J. L., J. A. Rondon, S. von Breuning, 1970. Cerambycid-beetles of Laos. *Pacific Insects Monograph*. 24: i-vi, 651pp.
4. Mai Quý, Trần Thị Lại, Trần Thị Bích Lan, 1981. Kết quả điều tra cơ bản Động vật miền Bắc Việt Nam. Họ Xén tóc (Cerambyidae, Coleoptera). KHKT, Hà Nội, 131-137.
5. Viện Bảo vệ thực vật, 1976. Kết quả điều tra côn trùng 1967-1968, Họ Xén tóc Cerambycidae. Nxb. Nông thôn, Hà Nội, trang 213-229.
6. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2008. Điều tra nghiên cứu đa dạng côn trùng dọc theo tuyến đường Hồ Chí Minh, đoạn Bắc Trung Bộ và đề xuất các biện pháp bảo tồn. Báo cáo KH & CN Viện KH & CN Việt Nam giai đoạn 2008-2009. Hà Nội, 2010.
7. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2011. Điều tra nghiên cứu đa dạng côn trùng dọc cung đường Hồ Chí Minh qua khu vực Tây Nguyên, đề xuất các giải pháp bảo vệ và phát huy đa dạng côn trùng. Báo cáo KH & CN Viện KH & CN Việt Nam giai đoạn 2011-2012. Hà Nội, 2013.

A CHECKLIST OF THE GENUS *Chlorophorus* Chevrolat, 1863 (CERAMBYCINAE, CERAMBYCIDAE) WITH SIX NEW RECORDS FROM VIETNAM

CAO THI QUYNH NGA, KHUAT DANG LONG, TA HUY THINH
SUMMARY

The paper presented a checklist of twenty two species of the genus *Chlorophorus* from Vietnam. Among them, six species are newly recorded for the Vietnam's fauna, viz. *Chlorophorus inhumeralis* Pic, 1928; *C. macaumensis* (Chevrolat, 1845); *C. miwai* Gressitt, 1936; *C. moupinensis* (Fairmaire, 1888); *C. rubricollis* (Castelnau & Gory, 1841) and *C. tredecimmaculatus* (Chevrolat, 1863). The distribution of all species was also given, one species, *Chlorophorus annularis* (Fabricius, 1787), is cosmopolitan species, sixteen species are restricted in the Oriental region and other five species are recorded only from Vietnam. Among twenty two Vietnamese species of the genus *Chlorophorus*, five species were described on the basis of specimens collected in Vietnam, they are currently known only from their type localities, six species are widely distributed in the country, ten species are recorded in northern Vietnam and six species are known from central region and southern Vietnam.